INFOGRAPHIC

KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH SƠN LA

THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2025

THỐNG KÊ TỈNH SƠN LA

Số 53 đường Thanh Niên, Tổ 11, Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

https://thongkesonla.nso.gov.vn

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây hàng năm đến ngày 20/10/2025

13.191 ha
▲ **0,91**%
Lúa đông xuân

75.166 ha
▲ **1,08**%
Ngô

44.176 ha
▲ **2,76**%
Sắn/Khoai mì

466 ha
▲ **7,87**%
Đậu tương

12.789 ha
▲ **3,39**%
Rau các loại

929 ha
▲ **5,57**%
Đậu/đỗ

Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 10/2025 so với cùng kỳ năm trước

Trâu

▼ **2,41**%

Bò

▼ **0,52**%

Lợn

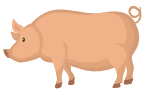

▲ **10,50**%

Gia cầm

▲ **1,29**%

Sản xuất lâm nghiệp cuối tháng 10/2025 so với cùng kỳ năm trước trước

Gỗ khai thác

12,59 nghìn m³ ▼ **26,90**%

Số vụ cháy rừng

13 vụ ▼ **72,34**%

Rừng trồng mới tập trung

561 ha ▼ **70,59**%

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 10 tháng so với cùng kỳ năm trước

Chế biến, chế tạo
105,22%

Sản xuất và phân phối điện
105,17%

Khai khoáng
107,18%

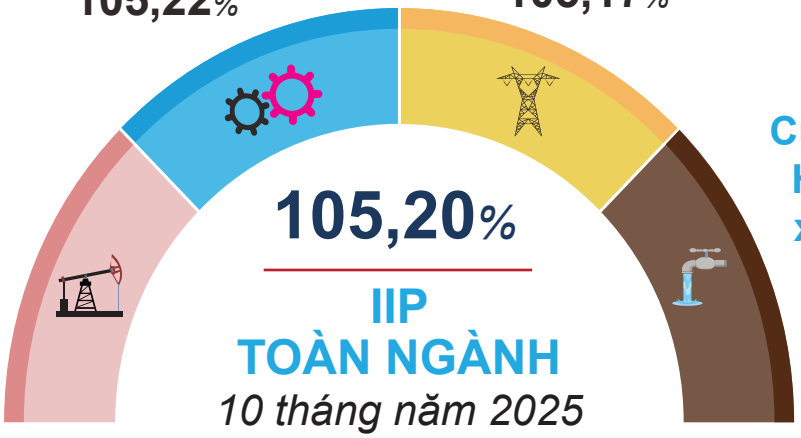

Cung cấp nước, HĐ quản lý và xử lý rác thải, nước thải
106,08%

105,20%

IIP TOÀN NGÀNH

10 tháng năm 2025

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP THÁNG 10

151 DN thành lập mới

34 DN giải thể

16 DN quay trở lại HĐ

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ

TỔNG SỐ

3.723,57 *tỷ đồng*

▲ **21,19%**

Cấp tỉnh

3.266,73 *tỷ đồng* ▲27,92%

Cấp xã

456,84 *tỷ đồng* ▼11,91%

THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ

43.425,62 *tỷ đồng*

▲ 13,75%

Bán lẻ hàng hóa

34.048,06 *tỷ đồng* ▲ **14,02%**

Dịch vụ lưu trú, ăn uống

4.561,90 *tỷ đồng* ▲ **17,47%**

Dịch vụ lữ hành

28,75 *tỷ đồng* ▲ **18,96%**

Dịch vụ khác

4.786,91 *tỷ đồng* ▲ **8,65%**

CHỈ SỐ GIÁ

103,27%
CPI tháng 10/2025 so với cùng kỳ

99,94%
CPI tháng 10/2025 so với tháng trước

102,97%
CPI bình quân 10 tháng đầu năm so với cùng kỳ

138,35%
Chỉ số giá vàng 10 tháng 2025 so với cùng kỳ

103,93%
Chỉ số giá đôla Mỹ 10 tháng 2025 so với cùng kỳ

VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ

3.432,03 *tỷ đồng* ▲ **13,51%**

Vận tải hành khách

510,56 *tỷ đồng*

▲ **13,13%**

Khối lượng hành khách vận chuyển

4.861,06 *nghìn HK* ▲ **11,71%**

Khối lượng hành khách luân chuyển

510.863,50 *nghìn lượt HK.Km* ▲ **12,61%**

Khối lượng hàng hóa vận chuyển

7.285,81 *nghìn tấn* ▲ **13,74%**

Khối lượng hàng hóa luân chuyển

901.681,48 *nghìn tấn.Km* ▲ **13,47%**

Vận tải hàng hóa

2.833,13 *tỷ đồng*

▲ **13,66%**

Dịch vụ hỗ trợ vận tải **88,34** *tỷ đồng* ▲ **11,02%**

TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI 10 THÁNG

108 vụ tai nạn giao thông

87 người chết

79 người bị thương

21 vụ cháy, nổ

01 người chết